

Số: 392/QĐ-TCĐCN

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cao đẳng đợt I năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP THANH HOÁ

Căn cứ Quyết định số 1900/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH, ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-TCĐCN ngày 29/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa về việc ban hành Quy định kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Kết quả quá trình học tập và thi tốt nghiệp của sinh viên trình độ cao đẳng năm 2025; Biên bản của Hội đồng thi tốt nghiệp ngày 13 tháng 5 năm 2025;

Theo đề nghị của Hội đồng thi tốt nghiệp đợt I năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cao đẳng cho **113 sinh viên**, gồm các nghề:

- | | |
|---|--------------|
| 1. Công nghệ ô tô | 51 sinh viên |
| 2. Điện công nghiệp | 22 sinh viên |
| 3. Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí: | 22 sinh viên |
| 4. Điện tử công nghiệp | 04 sinh viên |
| 5. Công nghệ thông tin | 05 sinh viên |
| 6. Hàn | 03 sinh viên |
| 7. Cắt gọt kim loại | 02 sinh viên |
| 8. May thời trang | 04 sinh viên |

Trong đó: Giỏi 11 sinh viên, đạt tỷ lệ 9,6 %; Khá 74 sinh viên, đạt tỷ lệ 64,9%
(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) trưởng phòng Đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên, trưởng các đơn vị liên quan, giáo viên chủ nhiệm và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- BGH (báo cáo);
- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, ĐTCTHSSV.



TS. Hoàng Anh Tuấn

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG TỐT NGHIỆP ĐỢT I NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 392/QĐ-TCĐCN, ngày 13 tháng 5 năm 2025)

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Xếp loại	Ghi chú
				ĐTB	ĐTNLT	ĐTNTH	ĐKLTN	ĐTN		
A	Công nghệ ô tô									
I	Lớp C18 - Ô tô LT1									
	<i>Thi tốt nghiệp</i>									
1.	Dương Hoàng Anh	14/3/2005	Thanh Hóa	6.9	7.0	7.0		7.0	Khá	
2.	Lê Doãn Minh Anh	16/7/2006	Thanh Hóa	6.5	6.5	8.0		7.0	Khá	
3.	Lê Đình Tuấn Anh	10/01/2006	Thanh Hóa	6.7	7.5	6.5		6.8	Trung bình	
4.	Quang Diễm Đan	24/5/2006	Thanh Hóa	6.2	7.0	6.5		6.4	Trung bình	
5.	Ngô Văn Đức	31/7/2006	Thanh Hóa	6.7	8.5	7.0		7.1	Khá	
6.	Nguyễn Văn Đức	21/4/2006	Thanh Hóa	7.3	6.0	7.0		7.0	Khá	
7.	Nguyễn Công Phi Long	06/01/2006	Thanh Hóa	6.3	6.0	6.5		6.3	Trung bình	
8.	Cao Thạch Hoài Nam	04/7/2006	Quảng Ngãi	7.2	7.5	8.0		7.5	Khá	
9.	Hoàng Anh Phúc	29/4/2006	Thanh Hóa	7.2	7.5	7.0		7.2	Khá	
10.	Lê Thái Sơn	01/01/2006	Thanh Hóa	7.2	7.0	7.5		7.3	Khá	
11.	Lê Công Tiến	11/9/2006	Thanh Hóa	6.8	8.0	7.5		7.2	Khá	
12.	Phạm Văn Thiện	18/4/2006	Thanh Hóa	7.3	7.0	7.5		7.3	Khá	
13.	Trịnh Ngọc Thùy	04/5/2006	Thanh Hóa	6.5	8.0	7.5		7.1	Khá	
14.	Phạm Ngọc Vinh	04/02/2006	Thanh Hóa	7.0	6.5	7.0		6.9	Trung bình	
	<i>Bảo vệ đồ án tốt nghiệp</i>									
1.	Cao Việt Cường	29/12/2006	Thanh Hóa	7.3			9.0	8.0	Giỏi	
2.	Hoàng Minh Dương	16/8/2006	Thanh Hóa	7.1			9.1	7.9	Khá	
3.	Nguyễn Cao Kỳ	03/8/2006	Thanh Hóa	7.4			9.0	8.0	Giỏi	
II	Lớp C18-Ô tô LT2									
1.	Lý Đức Anh	03/02/2006	Thanh Hóa	6.8	7.5	8.0		7.3	Khá	



u

2.	Trần Đăng Tuấn	Anh	15/3/2006	Thanh Hóa	6.7	7.5	8.0		7.3	Khá	
3.	Đỗ Như	Chung	28/02/2006	Thanh Hóa	6.8	7.0	8.0		7.2	Khá	
4.	Lê Đăng	Huy	19/01/2006	Thanh Hóa	6.9	5.5	7.0		6.7	Trung bình	
5.	Lê Ngọc	Lượng	09/5/2006	Thanh Hóa	7.0	7.5	8.0		7.4	Khá	
6.	Lê Quang	Son	01/9/2006	Thanh Hóa	7.1	6.5	7.0		7.0	Khá	
7.	Hà Đình	Tài	06/3/2006	Đăk Lăk	7.2	6.5	8.0		7.3	Khá	
8.	Nguyễn Ngọc	Tuyền	01/4/2006	Thanh Hóa	7.1	7.0	8.0		7.4	Khá	
9.	Lê Bá	Thông	12/10/2006	Thanh Hóa	7.3	7.0	8.0		7.5	Khá	
III	Lớp C18-Ô tô LT3										
	<i>Thi tốt nghiệp</i>										
1.	Nguyễn Ngọc	Anh	06/6/2006	Ninh Bình	7.1	6.0	6.0		6.5	Trung bình	
2.	Lê Văn	Đại	14/10/2006	Thanh Hóa	6.4	5.0	6.0		6.0	Trung bình	
3.	Nguyễn Hoàng	Hải	08/8/2006	Thanh Hóa	6.5	6.0	6.0		6.3	Trung bình	
4.	Nhữ Ngọc	Khánh	15/12/2006	Thanh Hóa	7.2	6.5	6.0		6.7	Trung bình	
5.	Lê Đình Hoài	Nam	10/8/2006	Thanh Hóa	6.7	6.0	6.0		6.4	Trung bình	
6.	Trịnh Hữu Anh	Nhật	18/8/2005	Thanh Hóa	7.0	7.5	7.0		7.1	Khá	
7.	Nguyễn Kim	Phúc	28/5/2006	Thanh Hóa	6.7	7.0	6.5		6.7	Trung bình	
8.	Nguyễn Tấn	Tài	24/8/2006	Thanh Hóa	6.2	6.0	6.0		6.1	Trung bình	
9.	Nguyễn Văn	Tùng	06/8/2006	Bình Dương	6.2	7.5	6.5		6.5	Trung bình	
	<i>Bảo vệ đồ án tốt nghiệp</i>										
1.	Phạm Ngọc Hoàng	Anh	23/02/2005	Thanh Hóa	7.5			9.0	8.1	Giỏi	
2.	Triệu Quang	Chung	24/01/2006	Thanh Hóa	6.9			8.9	7.7	Khá	
3.	Phạm Tùng	Dương	25/11/2006	Thanh Hóa	7.2			9.4	8.1	Giỏi	
4.	Đặng Minh	Đại	31/01/2006	Thanh Hóa	7.2			8.3	7.7	Khá	
5.	Bùi Sỹ	Đức	12/3/2006	Thanh Hóa	6.9			9.0	7.7	Khá	
6.	Phạm Minh	Đức	18/4/2006	Thanh Hóa	6.8			9.2	7.8	Khá	
7.	Đỗ Ngọc	Hải	27/6/2006	Thanh Hóa	6.9			8.3	7.5	Khá	
8.	Ngô Hữu	Tấn	28/02/2006	Thanh Hóa	6.8			8.9	7.6	Khá	

IV	Lớp C18-Ô tô LT4										
	<i>Thi tốt nghiệp</i>										
1.	Nguyễn Văn An	06/7/2006	Thanh Hóa	6.8	7.5	8.0			7.3	Khá	
2.	Hồ Lê Thế Công	11/10/2006	Thanh Hóa	7.1	7.0	7.5			7.2	Khá	
3.	Lê Ngọc Hiếu	13/02/2006	Thanh Hóa	7.0	5.5	7.0			6.8	Trung bình	
4.	Lê Văn Tuấn	28/3/2005	Thanh Hóa	6.6	6.5	6.5			6.5	Trung bình	
5.	Trịnh Thái Anh Thư	28/8/2006	Thanh Hóa	7.2	7.5	7.0			7.2	Khá	
	<i>Bảo vệ đồ án tốt nghiệp</i>										
1.	Dương Đình Minh Quân	06/02/2006	Thanh Hóa	6.9				9.0	7.7	Khá	
2.	Nguyễn Ngọc Sang	04/5/2006	Thanh Hóa	7.1				9.3	8.0	Giỏi	
V	Lớp C15-Ô tô LT2										
1.	Nguyễn Đình Quý	06/3/2003	Thanh Hóa	6.9	8.0	7.5			7.3	Khá	
B	Điện công nghiệp										
I	Lớp C18-Điện LT1										
1.	Vũ Hoàng Anh	12/10/2005	Thanh Hóa	6.5	6.0	7.0			6.6	Trung bình	
2.	Nguyễn Văn Hoàng	01/8/2001	Thanh Hóa	6.8	7.0	7.5			7.1	Khá	
II	Lớp C18-Điện LT2										
1.	Lê Gia Bảo	07/11/2006	Thanh Hóa	6.6	6.0	5.0			6.0	Trung bình	
2.	Trần Văn Bình	15/10/2006	Thanh Hóa	6.5	6.0	8.0			6.9	Trung bình	
3.	Đào Đức Cường	11/7/2006	Thanh Hóa	6.7	6.5	5.0			6.1	Trung bình	
4.	Lê Trọng Dũng	10/7/2006	Thanh Hóa	7.2	6.5	8.0			7.4	Khá	
5.	Nguyễn Việt Đức	13/8/2006	Thanh Hóa	7.3	7.0	8.0			7.5	Khá	
6.	Vũ Quang Hà	29/9/2005	Thanh Hóa	7.5	7.5	9.0			8.0	Giỏi	
7.	Nguyễn Trọng Quang Huy	14/11/2006	Thanh Hóa	6.9	7.0	6.0			6.6	Trung bình	
8.	Nguyễn Xuân Long	19/9/2006	Thanh Hóa	7.6	7.5	8.5			7.9	Khá	
9.	Đỗ Huy Nam	12/7/2006	Thanh Hóa	6.6	6.5	8.0			7.0	Khá	
10.	Lê Trung Nguyên	19/01/2006	Đồng Nai	6.7	7.0	6.0			6.5	Trung bình	
11.	Đỗ Văn Hoàng Phúc	01/3/2006	Thanh Hóa	6.0	5.0	5.0			5.5	Trung bình	
12.	Đàm Minh Quân	28/7/2006	Thanh Hóa	6.9	7.5	7.5			7.2	Khá	

TH
 NG
 NGHIỆP
 HÓA

W

13.	Lê Ngọc	Quân	09/10/2006	Thanh Hóa	7.3	6.5	7.0		7.0	Khá	
14.	Lê Đình	Quý	02/11/2006	Thanh Hóa	7.2	7.5	9.0		7.8	Khá	
15.	Lê Quyết	Thắng	08/05/2006	Thanh Hóa	6.7	6.5	5.0		6.1	Trung bình	
16.	Lê Văn	Trung	19/5/2006	Thanh Hóa	6.6	7.0	5.0		6.1	Trung bình	
17.	Nguyễn Duy	Tuấn	03/01/2006	Thanh Hóa	6.6	7.0	6.0		6.4	Trung bình	
18.	Lê Đình	Tùng	06/8/2006	Thanh Hóa	7.2	7.5	8.0		7.5	Khá	
19.	Lê Thanh	Tùng	19/01/2006	Thanh Hóa	7.0	8.0	8.0		7.5	Khá	
20.	Nguyễn Đình	Vũ	05/9/2006	Thanh Hóa	7.4	7.0	7.0		7.2	Khá	
C	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí										
I	Lớp C18-Điện lạnh LT1										
1.	Lê Văn	Quyền	30/7/2003	Thanh Hóa	7.1	7.0	8.0		7.4	Khá	
II	Lớp C18-Điện lạnh LT2										
1.	Lê Ngọc	Bình	24/9/2006	Thanh Hóa	7.2	8.0	8.5		7.8	Khá	
2.	Lê Văn Đức	Duy	04/7/2006	Thanh Hóa	6.9	5.5	7.5		6.9	Trung bình	
3.	Lê Văn Tùng	Dương	10/6/2006	Thanh Hóa	7.6	7.0	8.0		7.6	Khá	
4.	Văn Đình	Hiếu	25/10/2006	Thanh Hóa	6.4	7.0	7.5		6.9	Trung bình	
5.	Nguyễn Bá	Huy	04/10/2006	Thanh Hóa	6.9	8.0	7.5		7.3	Khá	
6.	Khương Doãn Anh	Khiêm	22/8/2006	Thanh Hóa	7.5	8.0	8.0		7.8	Khá	
7.	Hà Văn	Linh	10/6/2006	Thanh Hóa	6.9	8.5	7.5		7.4	Khá	
8.	Lê Đình	Linh	02/9/2006	Thanh Hóa	6.7	8.0	7.5		7.2	Khá	
9.	Nguyễn Doãn	Lợi	17/11/2006	Thanh Hóa	6.7	7.5	7.5		7.1	Khá	
10.	Phùng Văn	Lực	06/7/2006	Thanh Hóa	7.0	7.5	7.5		7.3	Khá	
11.	Trần Xuân	Mai	10/02/2006	Thanh Hóa	7.3	8.0	7.5		7.5	Khá	
12.	Trần Xuân	Nam	12/6/2000	Thanh Hóa	7.3	8.0	8.0		7.7	Khá	
13.	Nguyễn Ngọc	Nhất	01/5/2006	Thanh Hóa	7.4	6.5	7.5		7.3	Khá	
14.	Nguyễn Hữu	Phúc	09/11/2006	Thanh Hóa	7.2	6.5	7.5		7.2	Khá	
15.	Ngô Khắc Tuấn	Quang	23/11/2006	Thanh Hóa	7.1	7.0	7.5		7.2	Khá	
16.	Nguyễn Hoàng	Quân	10/10/2006	Thanh Hóa	7.0	6.0	7.5		7.0	Khá	
17.	Lê Đức	Tâm	20/3/2006	Thanh Hóa	6.9	7.0	8.0		7.3	Khá	

18.	Nguyễn Thế	Tiến	11/4/2006	Thanh Hóa	7.2	7.0	7.0		7.1	Khá	
19.	Lê Hữu	Trung	27/12/2006	Thanh Hóa	7.3	7.5	8.5		7.7	Khá	
20.	Nguyễn Đức	Trung	28/01/2006	Thanh Hóa	7.2	8.5	8.0		7.7	Khá	
21.	Cao Đăng Anh	Tuấn	19/3/2006	Thanh Hóa	7.0	8.0	8.0		7.5	Khá	
D	Điện tử công nghiệp (Lớp C18 - Điện tử LT1)										
1.	Quách Văn	Chính	05/8/2006	Thanh Hóa	7.6	5.0	7.0		7.0	Khá	
2.	Lê Hùng	Dũng	28/12/2006	Thanh Hóa	7.4	5.0	7.0		6.8	Trung bình	
3.	Nguyễn Hữu	Tuấn	28/9/2006	Thanh Hóa	8.4	7.0	9.0		8.4	Giỏi	
4.	Ngô Đức	Vượng	09/3/2006	Thanh Hóa	7.8	7.0	9.0		8.1	Giỏi	
E	Công nghệ thông tin (UDPM) (Lớp C18- CNTT LT2)										
1.	Lê Văn	Chiến	02/4/2006	Thanh Hóa	7.6	6.0	7.5		7.3	Khá	
2.	Nguyễn Hoàng	Dương	12/9/2006	Thanh Hóa	7.3	6.5	7.0		7.1	Khá	
3.	Ngũ Huy	Hoàng	11/10/1997	Thanh Hóa	7.5	7.0	7.0		7.2	Khá	
4.	Lý Nam	Linh	30/5/2004	Thanh Hóa	8.1	7.5	9.0		8.3	Giỏi	
5.	Lê Thị	Thu	16/7/2006	Thanh Hóa	7.5	8.5	8.0		7.8	Khá	
F	Cắt gọt kim loại (Lớp C18-CGKL LT)										
1.	Đình Trọng	Đoàn	30/3/2006	Thanh Hóa	7.5	7.0	8.0		7.6	Khá	
2.	Nguyễn Bá	Toàn	20/6/2006	Thanh Hóa	7.2	8.0	8.5		7.8	Khá	
G	Hàn (Lớp C18-Hàn LT1)										
1.	Vũ Đức	Huân	05/02/2006	Thanh Hóa	8.3	9.0	8.0		8.3	Giỏi	
2.	Trương Tiến	Sang	13/7/2006	Thanh Hóa	7.5	7.0	7.5		7.4	Khá	
3.	Lê Viết Anh	Tuấn	11/9/2006	Thanh Hóa	7.7	8.0	7.5		7.7	Khá	
H	Máy thời trang (Lớp C18-Máy LT1)										
1.	Hoàng Thị	Giang	06/02/2005	Thanh Hóa	8.4	9.0	9.0		8.7	Giỏi	
2.	Lê Thị	Nga	24/6/2006	Thanh Hóa	7.4	6.0	6.0		6.7	Trung bình	
3.	Lê Thị Thu	Phương	21/8/2006	Thanh Hóa	8.0	7.0	6.0		7.2	Khá	
4.	Nguyễn Ngọc	Trang	25/7/2006	Thanh Hóa	7.6	8.0	7.0		7.5	Khá	

(Ấn định danh sách này gồm 113 sinh viên)